

Số: **14** /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **15** tháng **3** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 670/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công văn số 635/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Quyết định này thay thế Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *thanh*

Nơi nhận: *như*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng: KT, TH, CN;
- Lưu: VT, NNMT (TLC- 40b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước

thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2022/QĐ-UBND
ngày 15 / 3 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

1. Đối với đất phi nông nghiệp

Căn cứ thực tế diện tích đất bị thu hồi, đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, Ngành ban hành để tổ chức xác định và trình phê duyệt cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Đối với đất nông nghiệp

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với diện tích đất thu hồi.

Điều 4. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được bồi thường bằng việc giao đất ở, cụ thể như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết diện tích đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà hộ gia đình cá nhân không còn đất ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được giao 01 (một) thửa đất ở tại nơi tái định cư. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất, trường hợp diện tích thu hồi lớn hơn diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi.

b) Trường hợp thu hồi hết diện tích đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà hộ gia đình cá nhân còn đất ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất thì được giao đất ở tại nơi tái định cư. Trường hợp diện tích thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì được giao 01 (một) thửa đất ở, trường hợp diện tích thu hồi lớn hơn diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi.

c) Trường hợp diện tích còn lại sau thu hồi lớn hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải di chuyển chỗ ở) thì diện tích thu hồi được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất nếu diện tích thu hồi lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi.

d) Trường hợp có chênh lệch giữa diện tích thu hồi với số thửa tái định cư nhân (x) diện tích 01 (một) thửa tái định cư thì thực hiện theo nguyên tắc diện tích còn lại lớn hơn 50% diện tích một thửa thì tính thêm 01 (một) thửa, nhỏ hơn hoặc bằng 50% diện tích một thửa thì không được tính thêm.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên 01 (một) thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi nếu số thửa được giao tái định cư không đủ bố trí cho từng hộ gia đình thì giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây

gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ vào điều kiện quỹ đất ở để quyết định giao đất tái định cư cho từng hộ. Thửa đất giao thêm là thửa đất có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư.

Điều 5. Hỗ trợ tái định cư

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp, đất nhận chuyển nhượng không đúng quy định...) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được xem xét giao 01 (một) thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất. Thửa đất giao tại nơi tái định cư là thửa đất có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư.

Điều 6. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng đất ở là 64 m² tại các phường, thị trấn, 100 m² tại các xã của thành phố Buôn Ma Thuột, 200 m² tại các xã còn lại.

Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quy định này nhận đất ở, nhà ở tái định cư theo quy định này mà số tiền bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này thì được Nhà nước hỗ trợ khoản tiền chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

3. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng giá trị 01 (một) suất đầu tư tại nơi tái định cư, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xây dựng khu tái định cư và giá đất tái định cư

1. Bố trí quỹ đất và xây dựng khu tái định cư

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng việc giao đất; xây dựng các khu tái định cư để phục vụ nhu cầu tái định cư khi thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn. Khi xây dựng Khu tái định cư phải điều tra, đánh giá đặc điểm tình hình của khu vực thu hồi, nhu cầu tái định cư; trên cơ sở đó, quy hoạch chi tiết các thửa đất có nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư theo quy định.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh giao Chủ đầu tư dự án thực hiện xây dựng khu tái định cư thì Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc bố trí quỹ đất, điều tra, đánh giá đặc điểm tình hình

của khu vực thu hồi, nhu cầu tái định cư; trên cơ sở đó, quy hoạch chi tiết các thửa đất có nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư theo quy định.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể tại nơi tái định cư. Đối với dự án tái định cư vừa mới hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng trong năm thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng giá đất cụ thể tại nơi tái định cư mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung.

Điều 8. Bồi thường, hỗ trợ di chuyển

Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở (bao gồm thu hồi đất được bồi thường về đất ở và thu hồi đất có nhà ở không đủ điều kiện bồi thường về đất ở; di chuyển chỗ ở để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở) được bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển 8.000.000 đồng/hộ nếu di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã; 10.000.000 đồng/hộ nếu di chuyển ra ngoài phạm vi huyện, thành phố, thị xã; 15.000.000 đồng/hộ nếu di chuyển ra ngoài phạm vi tỉnh.

Điều 9. Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới

1. Người bị thu hồi đất có nhà ở (kể cả trường hợp đủ điều kiện bồi thường về đất ở, không đủ điều kiện bồi thường về đất ở) nếu không có chỗ ở nào khác thì được hỗ trợ tiền thuê nhà, cụ thể như sau:

- Đối với địa bàn các phường, thị trấn: 1.200.000 đồng/khâu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ/tháng; riêng với hộ đơn thân 2.400.000 đồng/tháng.

- Đối với địa bàn các xã: 1.000.000 đồng/khâu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 4.000.000 đồng/hộ; đối với hộ đơn thân 2.000.000 đồng/tháng.

Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 6 tháng để xây nhà.

2. Trường hợp bị thu hồi một phần đất ở, không di chuyển nơi ở nhưng phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần nhà ở để xây dựng mới hoặc sửa chữa trên phần diện tích đất còn lại thì được hỗ trợ theo mức quy định tại khoản 1 Điều này với thời gian là 06 tháng đối với trường hợp tháo dỡ toàn bộ nhà ở, 03 tháng đối với trường hợp phá dỡ một phần nhà ở.

Điều 10. Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng, thời hạn theo thời gian còn lại. Trường hợp không có đất thì bồi thường bằng tiền theo giá đất phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng đúng quy định của pháp luật nằm trong hành lang bảo vệ an toàn mà không phải di dời thì được bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn bằng 70% giá trị theo đơn giá xây dựng mới.

2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng không đúng quy định của pháp luật nằm trong hành lang bảo vệ an toàn mà không phải di dời thì không được bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp phải di dời thì được hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy định này.

3. Diện tích đất ở và các loại đất khác có đủ điều kiện được bồi thường trong cùng thửa với đất ở trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất tuy không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng đất được hỗ trợ thiệt hại bằng 80% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

4. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất.

Chương III

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ TÀI SẢN

Điều 12. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch

Việc tính toán giá trị bồi thường thiệt hại vật nuôi là thủy sản do phải thu hoạch sớm hoặc chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm xác định mức bồi thường cụ thể dựa trên định mức kinh tế kỹ thuật đối với vật nuôi là thủy sản do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại thời điểm thu hồi đất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị bồi thường thiệt hại, chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá để xác định giá trị bồi thường thiệt hại, chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra.

Điều 13. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản không phải là nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản phải di chuyển và chi phí di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất và tài sản khác có thể

tháo rời và di chuyển được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuê Đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại bao gồm mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất và chuyển cho cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định.

2. Trong trường hợp tài sản phải di chuyển không có trong danh mục chi phí tại các văn bản quy định hiện hành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuê cơ quan thẩm định giá có tư cách pháp nhân thực hiện.

Điều 14. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc phá dỡ một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo đơn giá nhà xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi.

Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ theo đơn giá nhà xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi và bồi thường chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà ở, công trình trước khi bị phá dỡ.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất không phải là nhà ở phục vụ sinh hoạt cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và công năng sử dụng của pháp luật thì được xem xét bồi thường như sau:

a) Đối với nhà, công trình mà giá trị còn lại từ 80% trở lên thì được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại theo đơn giá nhà xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Đối với nhà, công trình mà giá trị còn lại nhỏ hơn 80% thì mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của nhà, công trình và được hỗ trợ thêm 20% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại theo giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì việc bồi thường được xem xét áp dụng tương đương với nhà, công trình xây dựng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp không áp dụng tương đương theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuê đơn vị tư vấn căn cứ vào hồ sơ hoàn công,

quyết toán công trình hoặc lập lại thiết kế dự toán trong trường hợp không có hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình để lập dự toán xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và chuyển cho Phòng Quản lý Đô thị hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm tra làm căn cứ tính toán giá trị bồi thường.

Điều 15. Bồi thường, hỗ trợ nhà và công trình cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

1. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được bồi thường giá trị cho phần tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo đơn giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phần nhà đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

2. Phần diện tích xây dựng coi nói không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền thì không được bồi thường, nhưng được xem xét hỗ trợ theo khoản 4 Điều 20 của Quy định này.

Điều 16. Bồi thường di chuyển mồ mã

1. Trường hợp hộ gia đình di chuyển mồ mã về khu đất do Nhà nước bố trí thì được bồi thường theo đơn giá cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Trường hợp hộ gia đình tự lo đất di chuyển mồ mã thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 Điều này thì hộ gia đình được hỗ trợ thêm chi phí về đất đai không quá 5.000.000 đồng/mộ.

3. Đối với mộ xây có kiến trúc đặc biệt không theo kết cấu quy định để áp dụng giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: Giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán di dời hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán di dời và gửi Phòng Quản lý Đô thị hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Ngoài được bồi thường theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, hộ gia đình còn được hỗ trợ chi phí để tổ chức lễ tâm linh đối với mỗi phần mộ di dời là 5.000.000 đồng.

Chương IV

HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 17. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng và điều kiện để được hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hỗ trợ 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường cho một nhân khẩu/tháng nhân (x) với giá gạo được tính theo thông báo giá thị trường của Sở Tài chính tại thời điểm thực hiện hỗ trợ.

d) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm tổng hợp diện tích đất đang sử dụng theo kê khai của người bị thu hồi đất quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra, xác nhận dựa trên các hồ sơ địa chính hiện có làm căn cứ lập phương án hỗ trợ.

2. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất cho các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thì hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền không quá 2.000.000 đồng cho một hộ gia đình.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

3. Hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thì ngoài việc hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền không quá 3.000.000 đồng cho một hộ gia đình.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thì được áp dụng chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu

nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

5. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp; hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hoặc hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì số nhân khẩu không phải là cán bộ, công nhân viên, công chức, viên chức được hỗ trợ đời sống theo mức quy định tại khoản 1 Điều này; hỗ trợ ổn định sản xuất không quá 2.000.000 đồng cho 01 (một) hộ. Việc xác định số nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức đang sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp được dựa trên kê khai của hộ gia đình bị thu hồi đất và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi.

Điều 18. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp; hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hoặc hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì được hỗ trợ bằng tiền như sau:

$$\text{Số tiền hỗ trợ} = \frac{02 \text{ (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định}}{\text{Số nhân khẩu trong hộ}} \times \begin{matrix} \text{Số nhân khẩu không} \\ \text{hưởng lương hoặc} \\ \text{chưa nghỉ hưu, nghỉ} \\ \text{mất sức lao động, thôi} \\ \text{việc được hưởng trợ} \\ \text{cấp} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Diện tích đất} \\ \text{thu hồi} \\ \text{nhưng} \\ \text{không vượt} \\ \text{quá hạn mức} \\ \text{giao đất} \end{matrix}$$

3. Ngoài quy định hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 1, 2 Điều này, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp còn được hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm theo quy định hiện hành.

4. Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người bị thu hồi đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ được pháp luật cho phép của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở theo Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo các quy định tại thời điểm thực hiện thu hồi đất.

Điều 19. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

1. Việc hỗ trợ cho diện tích đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn được áp dụng bằng 100% theo giá đất được quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho loại đất bị thu hồi; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn theo đúng quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân được thuê, nhận đầu thầu sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có) theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 20. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ đối với người bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở là người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công

a) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng, thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên được hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ.

b) Thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 61% đến dưới 81%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến dưới 81% được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ.

c) Thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 41% đến dưới 61%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến dưới 61% được hỗ trợ 4.000.000/hộ.

d) Gia đình liệt sỹ, người có công cách mạng được hưởng trợ cấp hàng tháng, thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 21% đến dưới 41%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến dưới 41% được hỗ trợ 3.000.000/hộ.

đ) Các trường hợp còn lại được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.

3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ

các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn) thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này.

4. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

c) Các trường hợp không được xem xét hỗ trợ

- Nhà, công trình xây dựng trên đất mà tại thời điểm tạo lập bị xử lý, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Công trình xây dựng trên đất lấn, chiếm trên đất hành lang an toàn giao thông không phải nhà ở từ sau ngày 15/10/1993;

- Công trình xây dựng (trừ nhà, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân) xây dựng trái quy định của pháp luật gắn liền với đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; đất phi nông nghiệp của các tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

- Nhà, công trình không còn giá trị sử dụng.

5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

6. Hỗ trợ đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao trước và đúng thời hạn được xem xét hỗ trợ như sau:

a) Đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh: Hỗ trợ 5.000.000 đồng đối với trường hợp bị tháo dỡ toàn bộ; 3.000.000 đồng đối với trường hợp bị tháo dỡ một phần.

b) Đối với các trường hợp còn lại hỗ trợ 1.000 đồng/m² nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/hộ.

7. Ngoài các khoản hỗ trợ được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này, trường hợp bất cập, khó khăn, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ khác đối với từng trường hợp cụ thể để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi.

Điều 21. Hỗ trợ đối với hộ nghèo

Trường hợp hộ gia đình là hộ nghèo (tại thời điểm thu hồi đất) theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ ban hành đủ điều kiện bồi thường về đất ngoài hỗ trợ theo quy định chung còn được hỗ trợ để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống và sản xuất, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ tiền làm nhà ở khi hộ gia đình bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở nhưng chưa được Nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà ở lần nào là 3.500.000 đồng cho mỗi hộ gia đình.

2. Hỗ trợ cho hộ nghèo khi bị thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng với thời hạn không quá 60 tháng kể từ khi hoàn thành việc thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các mức sau:

a) Đối với hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp mà diện tích đất còn lại nhỏ hơn hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013 thì được hỗ trợ bằng tiền tính theo số nhân khẩu hiện có trong sổ hộ khẩu gia đình tại thời điểm bắt đầu kê khai đề lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể như sau:

- Trường hợp thu hồi trên 50% diện tích đất đang sử dụng đến thời điểm thu hồi: Hỗ trợ 100.000 đồng/tháng/nhân khẩu.

- Trường hợp thu hồi từ 20% đến 50% diện tích đất đang sử dụng đến thời điểm thu hồi: Hỗ trợ 80.000 đồng/tháng/nhân khẩu.

- Trường hợp thu hồi dưới 20% diện tích đất đang sử dụng đến thời điểm thu hồi: Hỗ trợ 60.000 đồng/tháng/nhân khẩu.

b) Đối với hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà diện tích đất còn lại lớn hơn hoặc bằng hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013 thì được hỗ trợ bằng 50% mức quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Hộ gia đình là hộ nghèo được hỗ trợ phải có giấy chứng nhận hộ nghèo còn giá trị sử dụng; trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo thì phải có xác nhận thuộc diện hộ nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hộ gia đình cư trú; Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc xác nhận.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức tuyên truyền cho các hộ gia đình về mục đích hỗ trợ đối với hộ nghèo để các hộ hiểu và sử dụng số tiền được hỗ trợ vượt nghèo đúng mục đích.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Điều 23. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập dự toán chi phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 24. Thông báo thu hồi đất

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành thông báo thu hồi đất trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 25. Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài chính hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường - Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm cùng trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định thu hồi đất cùng thời điểm trình phê duyệt phương án.

Điều 26. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và khấu trừ nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phép mở Tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để giao dịch và có trách nhiệm gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp người bị thu hồi đất không nhận theo phương án được phê duyệt vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước cho đến khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng của dự án.

2. Khoản tiền bị trừ vào số tiền bồi thường do người bị thu hồi đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để hoàn trả ngân sách nhà nước được thực hiện sau khi quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách

nhiệm thu, nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản thu nghĩa vụ tài chính do người bị thu hồi đất chưa thực hiện.

Điều 27. Giải phóng mặt bằng, cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất

1. Trường hợp người bị thu hồi đất sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tự nguyện thực hiện giải tỏa mặt bằng để bàn giao cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì người bị thu hồi đất có quyền tự tháo dỡ tài sản gắn liền với đất cần giải tỏa.

2. Trường hợp người bị thu hồi đất không tự nguyện chấp hành quyết định thu hồi đất để thực hiện bàn giao mặt bằng: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất.

Điều 28. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

b) Hướng dẫn xử lý và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức thực hiện xác định giá đất bồi thường; giá đất giao đất tại khu tái định cư;

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

2. Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Kiểm tra, hướng dẫn các Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh về lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

c) Cùng Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc, di chuyển mồ mã làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Hướng dẫn xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách đối với nhà, vật kiến trúc, công trình khác gắn liền với đất khi bồi thường, hỗ trợ.

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi và định mức kinh tế kỹ thuật đối với cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi.

c) Cùng Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư, nhà ở tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư, theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

c) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách đáp ứng nhu cầu vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đầu tư xây dựng khu dân cư mới, khu tái định cư.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt các phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề phù hợp với từng loại hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

b) Hướng dẫn các vương mắc khi áp dụng tiêu chuẩn hộ nghèo và đối tượng Người có công theo yêu cầu của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc áp dụng văn bản quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

8. Cục Thuế tỉnh

a) Chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện kiểm tra, cung cấp thông tin về mức thu nhập sau thuế; danh sách lập bộ mức thuế khoán (doanh thu và mức thuế phải nộp) của hộ gia đình, sản xuất kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 của quy định này.

b) Chủ trì giải quyết và ban hành văn bản hướng dẫn xử lý các vương mắc liên quan đến nghĩa vụ tài chính phải thực hiện của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

9. Thanh tra tỉnh

a) Tổ chức xác minh, kết luận và tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

10. Quỹ phát triển đất tỉnh

Thực hiện ứng vốn cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tạo quỹ đất sạch trước khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

11. Các sở, ngành khác

Có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

2. Chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản thu hồi về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định thu hồi đất.

3. Chi đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng cấp lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền.

Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng là tổ chức và hộ gia đình, cá nhân; phê duyệt giá đất để tính bồi thường theo ủy quyền.

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình, cá nhân để thực hiện các công trình dự án thực hiện trên diện tích đất Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi (không ban hành quyết định thu hồi đất).

5. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án tái định cư.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập phương án đào tạo, chuyển đổi và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương (nếu có).

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

7. Ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất để thực hiện dự án cùng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước.

2. Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

3. Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp; xác nhận các nội dung khác có liên quan.

4. Tham gia Ban thực hiện cưỡng chế với tư cách là thành viên thường trực.

Điều 31. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

2. Tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tiếp dân để giải đáp và hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

4. Lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

5. Hàng năm, lập báo cáo về kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã thực hiện trên địa bàn theo từng quý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 32. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi

Sau khi có thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có trách nhiệm chấp hành đầy đủ, đúng thời gian và hợp tác với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo kế hoạch điều tra, khảo sát, kiểm đếm được nêu trong thông báo thu hồi đất. Thực hiện kê khai diện tích, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản hiện có trên đất, kê khai số nhân khẩu, số lao động, phô tô các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, đề đạt nguyện vọng tái định cư (nếu có) theo hướng dẫn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh; các sở, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.